

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28 - 9- 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nghi.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Doãn

Ông Trịnh Công Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 107/2021/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2021 về việc: “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 67/2021/QĐHPT ngày 07/9/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 74/2021/QĐHPT ngày 20/9/2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị T - sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn B, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Bị đơn: Anh Hoàng Văn T - sinh năm 1996

Địa chỉ: Thôn Th, xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15 tháng 7 năm 2021, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đỗ Thị T có quan điểm trình bày như sau:

Ngày 15/10/2019, chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T, tự nguyện kết hôn với nhau và được Ủy ban nhân dân xã N, huyện H cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Sau khi kết hôn anh, chị sống hòa thuận, nhưng chỉ được thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do quá trình chung sống, giữa hai người thường xuyên nảy sinh bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng không hòa thuận trong đời sống hôn nhân. Một phần do anh T thường xuyên uống rượu, khi về nhà có hành vi bạo lực gia đình nhiều lần đối với chị, mặc dù đã nhiều lần chị T can ngăn nhưng anh T vẫn không thay đổi thói quen sinh hoạt thậm chí còn đánh đập chị nhiều hơn. Cũng xuất phát từ nguyên nhân này mà chị và anh T đã sống ly thân với nhau từ tháng 5 năm 2021. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không thể duy trì, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T, có với nhau một con chung, cháu tên là Hoàng Bảo Anh Th, sinh ngày 13/3/2020. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết giao con cho chị nuôi dưỡng và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án và triệu tập họp lệ nhưng anh không có mặt để trình bày quan điểm. Kết quả xác minh ngày 09/8/2021 được Ủy ban nhân dân xã Ngư Lộc xác nhận, thì anh Hoàng Văn T là con trai của bà Đồng Thị V, hiện tại anh T vẫn đăng ký hộ khẩu gia đình với bà V, tại thôn Th, xã N, nhưng tại thời điểm xác minh anh T đi làm ăn xa. Các văn bản tố tụng đều giao cho bà V nhận và cam kết giao lại tận tay văn bản đã nhận cho anh T. Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo địa phương thì anh T và chị T kết hôn vào năm 2019, sau đó thuê nhà ở riêng để làm ăn, nhưng được thời gian ngắn thì anh T về nhà bà V còn chị T không về cùng, còn nguyên nhân mâu thuẫn gì xảy ra thì không nắm bắt được.

Tại phiên tòa hôn nay, có mặt chị T, vắng mặt anh Hoàng Văn T lần hai không có lý do. Chị T vẫn giữ nguyên quan điểm như trình bày trên.

Kết thúc phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng.

Về hướng giải quyết vụ án Viện kiểm sát đề nghị: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Đỗ Thị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Về con chung: Giao cháu Hoàng Bảo Anh Th, sinh ngày 13/3/2020 cho chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh T được quyền qua lại thăm nom chăm sóc giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Đỗ Thị T không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm Viện kiểm sát không có quan điểm đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp hành pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, và đề nghị hướng giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc có đủ cơ sở nhận định.

[1]. *Về pháp luật tố tụng*: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn là tranh chấp hôn nhân và gia đình, quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự về “ Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện H và không có yếu tố nước ngoài, nên vụ án được xem xét, giải quyết theo thẩm quyền nơi bị đơn cư trú. Vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được do bị đơn cố tình vắng mặt và nguyên đơn có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải. Căn cứ vào Điều 203, Điều 227, Điều 228 và Điều 233 của BLTTDS, Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc đưa vụ án ra xét xử là phù hợp với quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho đương sự trong vụ án.

[2]. *Xét về quan hệ hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn*: Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T, kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, việc kết hôn được tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, vào năm 2019. Tại thời điểm đăng ký kết hôn, cả anh và chị không vi phạm quy định về độ tuổi và các điều kiện cấm kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Như vậy, thời kỳ hôn nhân được tính từ khi anh, chị đăng ký kết hôn và được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

[3]. *Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn đối với bị đơn*: Năm 2019, chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T chính thức đăng ký kết hôn và là vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên đã có con chung. Tuy nhiên, trong thời gian ngắn tình cảm vợ, chồng đã bộc lộ và nảy sinh nhiều mâu thuẫn, trong đó phải nói đến nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ phía anh T. Mặc dù chị T đã phân nào đã cố gắng nhường nhịn, chịu đựng hành vi bạo lực gia đình nhiều lần của anh T, để vợ chồng có cuộc sống hôn nhân trọn vẹn, nhưng anh T vẫn không từ bỏ lối sống và hành vi bạo lực. Do đó cuộc sống hôn nhân giữa anh và chị không thể hàn gắn và duy trì được quan hệ hôn nhân. Nay thấy lý do xin ly hôn của chị T với anh T là có căn cứ, đúng với thực trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn trầm trọng của vợ chồng theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị T được ly hôn với anh T là phù hợp.

[4]. Đối với bị đơn: Tài liệu xác nhận nơi cư trú do Công an xã Ngư Lộc xác thực. Anh Hoàng Văn T, hiện tại có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương xã Ngư Lộc, đơn xin xác nhận này thể hiện có chữ ký của anh T tại phần người viết đơn. Như vậy, tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án, anh T đang có mặt tại nơi cư trú, mặc dù anh đã nhận được thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập hợp lệ, việc không tiến hành hòa giải được vụ án là do anh T không có thiện chí hợp tác giải quyết. Theo hướng dẫn của Nghị quyết số 04//2017/ NQHĐTP ngày 05/5/2017, Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn về quyền khởi kiện và quyền khởi kiện lại vụ án dân sự thì trường hợp vắng mặt của bị đơn không thuộc trường hợp trả lại đơn kiện. Do đó việc vắng mặt của bị đơn là hành vi cố tình vắng mặt, trốn tránh và không hợp tác khai báo để cung cấp thông tin, gây khó khăn cho người khởi kiện và cơ quan tố tụng khi giải quyết vụ án. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào quy định tại các Điều 220, Điều 227 và Điều 233 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5]. *Về con chung nhận thấy*; Trong thời kỳ hôn nhân, chị Đỗ Thị T và anh Hoàng Văn T, đã có với nhau một người con chung là cháu Hoàng Bảo Anh Th, sinh ngày 13/3/2020, hiện tại cháu chưa đủ 36 tháng tuổi. Vì vậy, về nguyên tắc, con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Do đó, cần tiếp tục giao cho chị T, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo Anh Th, sinh ngày 13/3/2020 là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu nên không giải quyết.

[6]. *Về tài sản chung*: Chị T không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên miễn xét.

[7] *Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm*: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. (Ban hành kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án),

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Đỗ Thị T, chị T được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

2. Về quyền nuôi con: Công nhận cháu Hoàng Bảo Anh Th, sinh ngày 13/3/2020 là con chung của anh T và chị T. Giao cho chị T, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Bảo Anh Th, anh T có quyền qua lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T và người thân không ai được cản trở. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do chị T không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2019/0008273 ngày 15/7/ 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H. (chị T đã nộp đủ tiền án phí sơ thẩm).

Án xử công khai có mặt chị T, vắng mặt anh T, chị T được quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niên yết bản án tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện H;
- Đường sự;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã N, huyện H;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀN**

(đã ký)

Nguyễn Văn Nghi

